

Số: /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng Định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 940/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây viết tắt là Đề án) và đề nghị của Công an tỉnh tại Công văn số 6873/CAT-PCSQLHC ngày 17/6/2026, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; cải cách hành chính; xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; phát triển công dân số; phát huy các kết quả của Đề án 06 và thực tiễn triển khai ứng dụng định danh quốc gia VNeID thời gian qua làm định hướng xuyên suốt trong việc phát triển và khai thác VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Phát triển VNeID thành siêu ứng dụng, đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái số quốc gia, có hiệu năng xử lý lớn, khả năng mở rộng linh hoạt nhờ ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với xu thế; cung cấp cả mô hình tập trung cho các ứng dụng cơ bản, ứng dụng lõi; mô hình phân tán cho các ứng dụng thành phần, có thể kết hợp công - tư; ưu tiên các ứng dụng thiết yếu. Bảo đảm dễ sử dụng, thuận tiện, an toàn, tiết kiệm thời gian và chi phí.

c) Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong suốt quá trình xây dựng, phát triển và khai thác VNeID; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn hệ thống thông tin quan trọng quốc gia.

2. Yêu cầu

a) Triển khai thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện cụ thể, tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng; đồng thời thực

hiện có trọng tâm, trọng điểm, gắn với cơ chế kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đôn đốc hiệu quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị, địa phương phải nêu cao gương mẫu, quyết tâm cao, hành động nỗ lực đối với từng nhiệm vụ được giao, lựa chọn nguồn lực thực hiện hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc 6 rõ: **“Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”**, gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

c) Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số cần hướng tới thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

d) Đảm bảo tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát huy tối đa nguồn lực, đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn, liên thông, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế, phù hợp xu hướng phát triển công nghệ mới.

đ) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng các quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trở thành Nền tảng số quốc gia, an toàn, hiện đại, có khả năng mở rộng cao, phục vụ hiệu quả người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử và khai thác các tiện ích số. Đồng thời là nền tảng số tin cậy để kết nối, chia sẻ, xác thực thông tin giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp. Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2028 tập trung triển khai 5 nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Cấp 100% tài khoản định danh điện tử cho cá nhân (*người Việt Nam; người nước ngoài*), cơ quan, tổ chức đủ điều kiện và có nhu cầu.

- 100% đối tượng được tiếp nhận các khoản hỗ trợ, hưu trí, chi trả an sinh xã hội được tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử trên VNeID.

- Tích hợp 100% giấy tờ công dân, tổ chức theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

- 100% thuê bao di động được đăng ký, xác thực thông tin trên VNeID.
- Bước đầu tích hợp trí tuệ nhân tạo giúp nâng cao hiệu quả sử dụng và trải nghiệm số cho người dùng.

b) Đến năm 2030

- 100% công dân có tài khoản VNeID mức độ 2, được tích hợp thông tin tài khoản thanh toán, ví điện tử trên VNeID khi có nhu cầu.
- 100% công dân có đủ điều kiện được cấp chứng thư chữ ký số để sử dụng trong các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện các giao dịch dân sự trên VNeID.
- 70% tiện ích, dịch vụ được tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa và nâng cao trải nghiệm người dùng.
- 70% người dùng được trải nghiệm dịch vụ thanh toán không sử dụng tiền mặt, thanh toán hóa đơn thiết yếu trên VNeID.
- 70% người dùng thường xuyên truy cập, sử dụng dịch vụ, tiện ích trong hệ sinh thái VNeID.

c) Đến năm 2045

- 100% tiện ích, dịch vụ được tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho người dùng bao gồm các kỹ năng số khác nhau.
- 100% người dùng được trải nghiệm dịch vụ thanh toán không sử dụng tiền mặt, thanh toán hóa đơn thiết yếu trên VNeID.
- 90% người dùng thường xuyên truy cập, sử dụng dịch vụ, tiện ích trong hệ sinh thái VNeID.

III. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đề án được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thời gian thực hiện Đề án từ năm 2026 đến năm 2045, chia làm 03 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1 (2026 - 2028): Hoàn thiện khung thể chế, cơ sở pháp lý; tái kiến trúc toàn diện VNeID, phát triển các dịch vụ, tiện ích lõi, cơ bản, bước đầu hình thành hệ sinh thái số trên VNeID.

b) Giai đoạn 2 (2029 - 2030): Tập trung hoàn thiện hệ sinh thái số trên VNeID; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp (trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối...) nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho người dùng.

c) *Giai đoạn 3 (2031 - 2045)*: Nâng cấp toàn diện về năng lực hạ tầng kỹ thuật, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Mở rộng hệ sinh thái số theo hướng đa dạng về dịch vụ, tiện ích, tối đa hóa trải nghiệm cho người dùng.

IV. CHỨC NĂNG, YÊU CẦU

1. Chức năng: Phát triển VNeID thành Nền tảng số quốc gia với 05 chức năng chính:

- a) Lưu trữ dữ liệu số của công dân.
- b) Định danh xác thực điện tử.
- c) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính.
- d) Ví điện tử, Kênh thanh toán, chi trả an sinh xã hội.

đ) Là kênh giao tiếp chính thức, bảo đảm an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân.

2. Yêu cầu về kiến trúc và kỹ thuật

a) Lớp Hạ tầng số và an ninh mạng

- Triển khai các giải pháp, dịch vụ bảo đảm yêu cầu về an ninh, an toàn, bảo mật hạ tầng mạng; kết nối với hạ tầng mạng của Bộ Công an, hạ tầng mạng Truyền số liệu chuyên dùng, hạ tầng mạng Internet; hạ tầng mạng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống của doanh nghiệp và các hạ tầng mạng khác bảo đảm điều kiện kết nối theo quy định.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong toàn bộ quá trình phát triển và vận hành, khai thác VNeID; và triển khai đồng bộ trên toàn bộ vòng đời hệ thống, ứng dụng và dữ liệu; tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về an ninh, an toàn thông tin, như: Luật An ninh mạng 2025; Luật Dữ liệu 2024; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025; TCVN 11930:2017; TCVN 14423:2025;...

b) Lớp Dữ liệu và nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu

- Tạo lập, cập nhật dữ liệu từ các nguồn: ⁽¹⁾ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, dữ liệu về định danh và xác thực điện tử; ⁽²⁾ Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương; ⁽³⁾ Dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; ⁽⁴⁾ Dữ liệu giao dịch của chủ thẻ danh tính điện tử và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa VNeID với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua các nền tảng: ⁽¹⁾ Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (*National Data Orchestration Platform - NDOP*); ⁽²⁾ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (*National Data Exchange Platform - NDXP*); ⁽³⁾

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Bộ Công an (*Local Government Service Platform - LGSP*); ⁽⁴⁾ Nền tảng định danh và xác thực điện tử và các nền tảng khác theo quy định của pháp luật.

c) *Lớp Ứng dụng và nghiệp vụ*: Phát triển VNeID thành siêu ứng dụng bảo đảm khả năng xây dựng một hệ thống có kiến trúc mở rộng linh hoạt, bao gồm công cụ và nền tảng hỗ trợ các đối tác bên thứ ba xây dựng các ứng dụng nhỏ (*Mini App*) vừa bảo đảm tách biệt về vận hành, vừa bảo đảm khả năng tích hợp và tái sử dụng các dịch vụ cốt lõi của siêu ứng dụng, cụ thể gồm các lớp: ⁽¹⁾ Các mô-đun lõi (*core*) cung cấp những chức năng thiết yếu; ⁽²⁾ Các Mini App cơ bản, được cơ quan chủ quản xây dựng cùng VNeID để cung cấp đầy đủ hơn các dịch vụ, ứng dụng cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khai thác trực tiếp và phát triển các tiện ích khác; ⁽³⁾ Các Mini App tiện ích, được xây dựng để cung cấp thêm nhiều tiện ích, dịch vụ đa dạng theo nhiều lĩnh vực như phục vụ Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

d) *Lớp Kênh tương tác và đo lường hiệu quả*

- Cung cấp kênh giao tiếp chính thức, bảo đảm an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân.

- Cơ quan nhà nước các cấp được cấp tài khoản riêng, phân quyền theo quy định, cùng với các công cụ hỗ trợ trao đổi tin nhắn bằng văn bản (*chat*), hình ảnh, âm thanh, video.

- Kênh trao đổi, tương tác giữa người dân với chính quyền (*cơ quan nhà nước*) góp phần bảo đảm việc tiếp nhận, xử lý (*giải quyết*), trả lời (*phản hồi*) các vấn đề, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị... của người dân một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác, không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý và không giới hạn về thời gian.

đ) Trong quá trình tái kiến trúc, chú trọng áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến, phù hợp như trí tuệ nhân tạo (*AI*), dữ liệu lớn (*Big Data*), chuỗi khối (*Blockchain*)... ở tất cả các lớp.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về định danh và xác thực điện tử, giao dịch điện tử, tích hợp tiện ích số, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến việc khai thác, sử dụng VNeID.

b) Tham gia góp ý dự thảo Luật Định danh và xác thực điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị quyết về phát triển công dân số....

c) Triển khai các quy trình vận hành, quy chế phối hợp và cơ chế giám sát tổng thể đối với việc khai thác, sử dụng VNeID trong cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp theo chức năng nhiệm vụ.

- Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Theo lộ trình của Bộ Công an (*dự kiến trong giai đoạn 2026 - 2027*).

2. Phát triển, mở rộng hệ sinh thái tiện ích số trên VneID: Tham gia phát triển, cung cấp, tích hợp các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID theo hướng đa dạng hóa nguồn lực, kết hợp hiệu quả đầu tư công với các hình thức hợp tác công - tư và các nguồn lực hợp pháp khác; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu quản lý nhà nước, an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo hướng dẫn của Bộ Công an.

a) Đơn vị chủ trì: Công an tỉnh.

b) Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Theo lộ trình của Bộ Công an (*dự kiến triển khai theo giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*).

3. Bảo đảm an ninh, an toàn tổng thể: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhận thức an toàn số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dùng,... tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về bảo mật thông tin trên ứng dụng VNeID.

a) Đơn vị thực hiện: các Sở, ban, ngành, địa phương; các Tổ chức chính trị-xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Bảo đảm nhân lực và hỗ trợ người dùng

a) Lồng ghép việc bồi dưỡng kiến thức pháp lý, kỹ năng sử dụng VNeID, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân vào kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm của các cơ quan, đơn vị; gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và chuyển đổi số của tỉnh.

b) Thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ nghiệp vụ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình tích hợp, khai thác và sử dụng VNeID; chú trọng nhóm yếu thế, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người hạn chế kỹ năng số.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thường xuyên, liên tục, đa dạng về hình thức, phù hợp với từng nhóm đối tượng để nâng cao nhận thức của người dân, doanh

ng nghiệp, cơ quan tổ chức; phát huy vai trò của lực lượng tại cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của Sở, ngành, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công an tỉnh

a) Tăng cường công tác thu nhận, kích hoạt tài khoản định danh điện tử cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh để làm tiền đề thúc đẩy việc phát triển ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID.

b) Là đầu mối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Bộ Công an phát triển, tích hợp các dịch vụ, tiện ích số trên VNeID theo hướng đa dạng hóa nguồn lực (*khi có yêu cầu của Bộ Công an*).

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn tỉnh; tập hợp báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn của Bộ Công an.

2. **Sở Tài chính:** Bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. **Các Sở, ban, ngành, địa phương:** Đẩy mạnh tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức trên địa bàn về các dịch vụ, tiện ích số trên ứng dụng VNeID, kết hợp việc kích hoạt tài khoản định danh điện tử đối với các trường hợp đã được Bộ Công an cấp tài khoản nhưng chưa kích hoạt; phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở và Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc trong sử dụng.

Nhận được Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (*qua Công an tỉnh*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Công an (báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực X;
- Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Phòng: NC, KGVX, KT, TTPVHCC;
- Lưu: VT. ĐT, NgM

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà